

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/DS-ST

Ngày: 07/4/2022

V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH-TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung

Ông Nguyễn Văn Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hi Diễm - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 263/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-DS ngày 22/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 206/2022/QĐST-DS ngày 15/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ B, ấp P, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Hòa, sinh năm 1977.

Địa chỉ đăng ký thường trú: ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ sinh sống: Tổ B, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện; bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Vào năm 2010 (không nhớ ngày tháng cụ thể), bà có mua xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 60P- 0916 và nhờ ông Trần Văn H đứng tên. Bà đã giao tiền mua xe cho ông Trần Văn H 02 lần, tổng số tiền 750.000.000 đồng, lần đầu (số tiền không nhớ cụ thể) giao tiền cho ông H tại đại lý ô tô đường Lý Thường Kiệt, thành

phố Hồ Chí Minh, lần thứ 2 giao tiền ở đâu bà không nhớ. Mục đích bà đưa tiền cho ông H mua xe là để kinh doanh chở khách, ông H nói để ông H đứng tên để thuận tiện cho việc kinh doanh nên bà cũng đồng ý. Việc bà giao tiền cho ông H mua xe và thỏa thuận cho ông H đứng tên chủ sở hữu xe ô tô nêu trên thay cho bà thì các bên chỉ nói miệng chứ không làm giấy tờ gì, đồng thời cũng không có ai chứng kiến.

Sau khi mua xe bà đã giao cho ông H quản lý, sử dụng nhưng ông H không đưa tiền lợi nhuận kinh doanh xe cho bà. Sau đó bà yêu cầu ông H bán xe để trả lại tiền cho bà thì ông H đã đổi biển số xe thành 60H-03431, đổi vào thời điểm nào bà không nhớ cụ thể. Một thời gian sau đó bà được biết ông H đã bán chiếc xe nêu trên cho người khác, bà không biết ông H bán xe vào thời gian nào, cụ thể bán xe cho ai, số tiền bao nhiêu, chỉ nghe ông H nói lại là đã bán xe được số tiền 590.000.000 đồng, ngày 28/3/2013 ông H có trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng tại nhà ông H ở ấp 3, xã An Phước, huyện Long Thành, đến ngày 04 năm 2013 (không nhớ tháng) ông H có trả tiếp cho bà số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 07/8/2013, tại quán nước tại Khu Văn Hải, thị trấn Long Thành, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Chí C công an viên xã An Phước, ông H có trả tiếp cho bà số tiền 80.000.000 đồng, bà có làm giấy nhận tiền ghi nhận nội dung trên, sau khi ông H giao tiền cho bà, ông H có ký tên vào giấy nhận tiền nêu trên và có ông Nguyễn Chí C cũng ký tên vào giấy nhận tiền. Ngoài chứng cứ là giấy nhận tiền ngày 07/8/2013 mà bà cung cấp theo đơn khởi kiện thì bà không còn chứng cứ nào khác để cung cấp cho Tòa án. Lý do theo đơn khởi kiện bà cung cấp bản phô tô giấy nhận tiền ngày 07/8/2013 không có chữ ký của ông H do sau khi bà viết giấy nhận tiền nêu trên và đưa cho ông Nguyễn Chí C ký tên làm chứng mà ông H chưa ký thì bà đã đi phô tô thêm để giao cho ông H, sau khi phô tô, ông Công có yêu cầu ông H ký tên vào giấy nhận tiền trên thì ông H mới ký tên vào 01 bản do đó, có bản có chữ ký của ông H và có bản không có chữ ký của ông H. Bà xác định 02 bản phô tô giấy nhận tiền nêu trên là từ một bản chính giấy nhận tiền do bà lập vào ngày 07/8/2013. Ngày 06/4/2022, bà có giao nộp cho Tòa án giấy nhận tiền ngày 07/8/2013 có phần nội dung và chữ ký của bà là chữ phô tô và phần chữ viết, chữ ký ghi tên ông Trần Văn H và chữ viết nội dung làm chứng, chữ ký tên người làm chứng Nguyễn Chí Công là chữ ký và chữ viết trực tiếp. Do trong quá trình giải quyết vụ án giấy nhận tiền ngày 07/8/2013 có chữ ký trực tiếp của ông H nêu trên bị thất lạc nên bà không cung cấp được cho tòa án, nay bà vừa tìm được giấy nhận tiền nêu trên nên giao nộp cho tòa án, việc phần nội dung và chữ lý của bà là chữ phô tô do sau khi bà viết và ký tên xong thì bà mới phô tô thêm một bản yêu cầu ông H ký và ông Công ký làm chứng, bản chính giấy viết tay có chữ ký của bà, bà đã giao cho ông H giữ.

Từ khi ông H trả cho bà số tiền 80.000.000 đồng và lập giấy nhận tiền vào ngày 07/8/2013 đến nay, ông H không tiếp tục thanh toán cho bà bất kỳ một khoản nào nữa. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn H tiếp

tục trả cho bà số tiền 70.000.000 đồng theo nội dung cam kết tại giấy nhận tiền vào ngày 07/8/2013, không yêu cầu tiền lãi.

- Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 30/11/2021, bị đơn ông Trần Văn H trình bày: Việc bà H khai đưa cho ông số tiền 750.000.000 đồng để mua xe ô tô hiệu Toyota Innova biển kiểm soát 60A-0916 là không đúng, tiền mua xe là tiền của ông kinh doanh mà có. Ông có đứng ra vay tiền dùm cho bà H nhiều lần, cụ thể: tháng 08/2012, vay cho bà H số tiền 420.000.000 đồng, do bà H không có tiền trả nên nhờ ông bán xe ô tô hiệu Toyota Innova biển kiểm soát 60A03431 (lúc này ông đã đổi biển kiểm soát) để lấy tiền trả nợ thay cho bà H, ông đã đồng ý bán xe với giá 590.000.000 đồng để trả tiền vay cho bà H; ngày 28/01/2013 ông cho vợ chồng bà H vay số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ ngân Hng; ngày 28/3/2013 ông cho bà H vay số tiền 100.000.000 đồng; ngày 04/4/2013 ông cho bà H vay số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó bà H tiếp tục nhờ ông vay số tiền 80.000.000 đồng nhưng ông không đồng ý, do bà H liên tục làm phiền nên ông có vay của vợ chồng ông Tuấn số tiền 80.000.000 đồng để cho bà H vay lại, ngày 07/8/2013 vợ chồng bà H đến khu Văn Hải, thị trấn Long THnh để nhận số tiền 80.000.000 đồng nêu trên, bà H có viết giấy nhận tiền ngày 07/8/2013 cam kết không thừa kiện hay làm phiền ông. Ngày 30/9/2013 bà H khởi kiện ông tại Tòa án nhân dân huyện Long THnh, nội dung khởi kiện hùn tiền mua xe hiệu Toyota Innova biển kiểm soát 60P-0916 với số tiền 75.000.000 đồng trong khi bà H đã viết giấy nhận tiền và cam kết không thừa kiện hay làm phiền ông với mọi hình thức. Nay bà H tiếp tục khởi kiện làm ảnh hưởng đến công việc của ông.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long ThAnh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định.

Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Việc chấp Hnh pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự tại Cơ quan điều tra Công an huyện Long THnh cũng như các tài liệu, chứng cứ trong vụ án tranh chấp đòi lại tài sản thụ lý số 198/2013 ngày 30/10/2013 được giải quyết bằng Bản án số 15/2016 ngày 10/6/2016 của TAND huyện Long

THnh và Bản án phúc thẩm số 31/2018 ngày 31/01/2018 của TAND tỉnh Đồng Nai xác định được: giữa ông H và bà H có mối quan hệ quen biết, bà H có đưa cho ông H số tiền 507.000.000 đồng để mua xe ô tô và hai bên thống nhất để ông H đứng tên xe, sau khi ông H bán xe được số tiền 590.000.000 đồng, bà H có yêu cầu ông H trả lại 300.000.000 đồng, tương đương 1 nửa giá trị xe, ông H đã trả cho bà H được 230.000.000 đồng. Như vậy bà H yêu cầu ông H phải trả lại số tiền 70.000.000 đồng còn lại là có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông H phải trả lại cho bà H số tiền 70.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn - ông Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt Bị đơn - ông Trần Văn H.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn - ông Trần Văn H trả lại tài sản là số tiền 70.000.000 đồng mà bà đã đưa cho ông H để mua xe ô tô hiệu Toyota Innova biển kiểm soát 60A-0916 (đã đổi biển số 60A-03431), không yêu cầu tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Trần Văn H đến làm việc và trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H nêu trên, tuy nhiên ông H nhiều lần vắng mặt cũng như không đồng ý cung cấp lời khai về nội dung tranh chấp trong vụ án với lý do vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết bằng bản án phúc thẩm số 31/2018/DS-PT ngày 31/01/2018. Sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 30/11/2021, ông H có nộp bản trình bày ý kiến đề ngày 30/11/2021, theo đó ông H cho rằng việc bà H khai đưa cho ông số tiền 750.000.000 đồng để mua xe ô tô hiệu Toyota Innova biển kiểm soát 60A-0916 là không đúng, tiền mua xe là tiền của ông kinh doanh mà có. Ngoài ra, ông H có đứng ra vay tiền dùm cho bà H nhiều lần, cụ thể: tháng 08/2012, vay cho bà H số tiền 420.000.000 đồng, do bà H không có tiền trả nên nhờ ông bán xe ô tô hiệu Toyota Innova biển kiểm soát 60A-03431 (lúc này ông đã đổi biển kiểm soát) để lấy tiền trả nợ thay cho bà H, ông đã đồng ý bán xe với giá 590.000.000 đồng để trả tiền vay cho bà H; ngày 28/01/2013 ông cho vợ chồng bà H vay số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ ngân Hng; ngày 28/3/2013 ông cho bà H vay số tiền 100.000.000 đồng; ngày 04/4/2013 ông cho bà H vay số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó bà H tiếp tục nhờ ông vay số tiền

80.000.000 đồng nhưng ông không đồng ý, do bà H liên tục làm phiền nên ông có vay của vợ chồng ông Tuấn số tiền 80.000.000 đồng để cho bà H vay lại, ngày 07/8/2013 vợ chồng bà H đến khu Văn Hải, thị trấn Long THnh để nhận số tiền 80.000.000 đồng nêu trên, bà H có viết giấy nhận tiền ngày 07/8/2013 cam kết không thừa kiện hay làm phiền ông. Ngày 30/9/2013 bà H khởi kiện ông tại Tòa án nhân dân huyện Long THnh, nội dung khởi kiện hùn tiền mua xe hiệu Toyota Innova biển kiểm soát 60P-0916 với số tiền 75.000.000 đồng trong khi bà H đã viết giấy nhận tiền và cam kết không thừa kiện hay làm phiền ông với mọi hình thức.

Xét thấy, theo nội dung bản án dân sự phúc thẩm số 31/2018/DS-PT ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với vụ án “tranh chấp đòi lại tài sản” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H và bị đơn ông Trần Văn H, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã quyết định: “Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu đòi tài sản là tiền mua xe ô tô Innova biển số 60P-0916 số tiền 750.000.000 đồng do chưa đủ điều kiện khởi kiện”. Như vậy, việc ông H cho rằng nội dung tranh chấp trong vụ án này đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết phúc thẩm là không có căn cứ. Việc ông H nhiều lần vắng mặt và không đồng ý trình bày ý kiến cho thấy ông H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời tự từ bỏ quyền đương sự về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

Theo các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án “tranh chấp kiện đòi tài sản” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H và bị đơn ông Trần Văn H do Tòa án nhân dân huyện Long THnh thụ lý số 198/2013/TLST-DS ngày 30/10/2013 thể hiện:

Tại biên bản H giải ngày 29/11/2013, ông H khai: “Chiếc xe Innova biển số 60P0916 là do chị H mua cho tôi vào ngày, tháng 8/2010, giá 632.000.000 đồng, khi mua, chị H đưa thiếu 125.000.000 đồng nên tôi mới bù vào, tôi là người đứng tên xe. Chị H cho tôi xe là do tôi giúp chị H trong việc làm ăn, mua bán trà, cà phê. Sau khi chị H cho xe, tôi lấy xe chạy dịch vụ khoảng tháng 11/2012, chị H kêu tôi bán xe nên tôi đã bán với giá 600.000.000 đồng, cho tiền còn 10.000.000 đồng, còn lại 590.000.000 đồng. Bán xe xong, tôi đã trả lại cho chị H nhiều lần tổng số tiền là 230.000.000 đồng, cụ thể: Cuối năm 2012 trả chị H 100.000.000 đồng, còn lại 120.000.000 đồng trả cho chị H nhiều lần không nhớ ngày tháng. Chị H khai tôi còn nợ chị H số tiền 75.000.000 đồng là không đúng. Tôi bán xe để trả nợ và 01 phần trả lại cho chị H, hiện nay tôi không còn tiền, nếu tôi có tiền tôi sẽ cho lại chị H số tiền 75.000.000 đồng.”

Tại bản tự khai ngày 04/4/2014, ông H khai: “Năm 2010 tôi và chị H mua xe hiệu Innova 60P0916, khi thực hiện thủ tục đăng ký thì chị H cho tôi đứng tên chủ sở hữu và tôi là người trực tiếp sử dụng xe (giá tiền khi mua xe tại Toyota Lý Thường Kiệt quận Tân Bình là 630.000.000 đồng) chị H đã cho tôi

toàn quyền định đoạt chiếc xe này, đến năm 2012 chị H có điện thoại cho tôi cần một trăm triệu trả nợ ngân Hng và kêu tôi giúp đỡ nên tôi bán xe Innova cho lại chị H 100.000.000 đồng, số tiền tôi bán xe được 590.000.000 đồng, sau đó chị H có kêu tôi giúp đỡ nhiều lần tổng cộng số tiền tôi cho lại chị H là 230.000.000 đồng.... Nay chị H khởi kiện yêu cầu tôi trả tiếp số tiền 75.000.000 đồng tôi không đồng ý vì tôi không còn tiền.”

Theo nội dung bản án dân sự phúc thẩm số 31/2018/DS-PT ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thể hiện lời khai của ông H Trong quá trình giải quyết vụ án như sau: “Trong thời gian ông phụ bà H buôn bán trà, cà phê, bà H có nói là cho ông tiền trị giá nửa chiếc xe ô tô để ông mua xe ô tô chạy dịch vụ và phụ bà H trong việc buôn bán trà, cà phê nhưng ông không đồng ý. Sau đó, bà H đi mua xe ô tô có kêu ông cùng đi, khi đến salon xe ô tô, bà H chọn mua xe Innova, trị giá 632.000.000 đồng. Do bà H không đủ tiền nên bà yêu cầu ông bù thêm 125.000.000 đồng để mua xe, như vậy, tiền của bà H mua xe là 507.000.000 đồng.... sau khi mua xe ô tô, ông sử dụng xe chạy dịch vụ và chở bà H đi mua bán trà, cà phê được khoảng 01 năm thì công việc làm ăn của bà H ổn định nên ông đưa xe ô tô nêu trên vào công ty cho thuê (công ty nào thì ông không nhớ), giá tiền cho thuê khoảng 06- 07 tháng đầu là 22.000.000 đồng/ tháng (xăng, tài xế là của ông), sau đó ông cho thuê trọn chiếc xe, với giá 10.500.000 đồng/tháng, khoảng 04- 05 tháng sau thì ông không cho thuê nữa. Ông trực tiếp chạy xe dịch vụ được một thời gian. Đến đầu năm 2013, ông đã bán xe Innova biển số 60P-0916. Lúc này do bà H điện thoại đòi lại tiền mua xe nên ông đã trả lại cho bà H số tiền 230.000.000 đồng, bà H cũng đã viết giấy nhận tiền đề ngày 07/8/2013, ông yêu cầu Tòa án căn cứ vào giấy nhận tiền ngày 07/8/2013 để giải quyết”.

Đối với chứng cứ là bản phô tô giấy nhận tiền ngày 07/8/2013 do bà Nguyễn Thị Thu H cung cấp, trong quá trình giải quyết vụ án bà H trình bày bản chính bà đã nộp cho Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Long Thành khi nộp đơn tố cáo ông H tại cơ quan Công an, do đó bà không còn bản chính giấy nhận tiền nêu trên để cung cấp cho tòa án trong vụ án này. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bản chính giấy nhận tiền ngày 07/8/2013 nêu trên tại Công an huyện Long Thành, tuy nhiên, theo nội dung văn bản số 05/CAH-ĐTTH ngày 04/01/2022 của Công An Huyện Long Thành thể hiện: Qua rà soát Công An huyện Long Thành không tìm thấy sổ theo dõi và hồ sơ lưu trữ đối với trường hợp trên. Ngày 06/4/2022, bà H cung cấp giấy nhận tiền ngày 07/8/2013 có phần nội dung là chữ phô tô và phần chữ viết, chữ ký ghi tên ông Trần Văn H và chữ viết nội dung làm chứng, chữ ký tên người làm chứng Nguyễn Chí Công là chữ ký và chữ viết trực tiếp. Theo bà H trình bày thì trong quá trình giải quyết vụ án giấy nhận tiền ngày 07/8/2013 nêu trên bị thất lạc nên bà không cung cấp được cho tòa án, nay bà vừa tìm được giấy nhận tiền nêu trên nên giao nộp cho tòa án, việc phần nội dung và chữ ký của bà H là phô tô do sau khi bà viết và ký tên thì bà mới phô tô thêm một bản yêu cầu ông H ký và ông Công ký làm chứng, bản chính giấy viết tay có chữ ký của bà, bà đã giao cho ông H giữ.

Xét thấy, qua làm việc với người làm chứng - ông Nguyễn Chí Công (là công an viên công an xã An Phước và là người chứng kiến nội dung giao nhận tiền giữa bà H và ông H vào ngày 07/8/2013), Tòa án đã công khai chứng cứ bản phô tô giấy nhận tiền đề ngày 07/8/2013 do bà H cung cấp để ông Công kiểm tra nội dung, ông Công xác định *“bản phô tô giấy nhận tiền đề ngày 07/8/2013 mà Tòa án vừa công khai có nội dung đúng với nội dung giấy nhận tiền ngày 07/8/2013 ghi nhận việc ông Trần Văn H giao cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng mà ông Công ký tên người chứng kiến, đúng nội dung giao nhận tiền, làm việc, giải quyết giữa các bên vào ngày 07/8/2013”*. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận bản phô tô giấy nhận tiền ngày 07/8/2013 và bản phô tô giấy nhận tiền ngày 07/8/2013 (có chữ viết, chữ ký ghi tên ông Trần Văn H và chữ viết nội dung làm chứng, chữ ký tên người làm chứng Nguyễn Chí Công là chữ ký và chữ viết trực tiếp) do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H cung cấp là chứng cứ hợp pháp để xem xét, đánh giá trong vụ án này.

Xét các lời khai của ông H trong quá trình tòa án giải quyết vụ án “tranh chấp kiện đòi tài sản” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H và bị đơn ông Trần Văn H do Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý số 198/2013/TLST-DS ngày 30/10/2013 tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm đều thừa nhận việc bà H đưa cho ông số tiền 507.000.000 đồng để mua xe ô tô hiệu Innova biển số 60P-0916 và đồng ý để cho ông đứng tên chủ sở hữu của chiếc xe nêu trên. Đối với việc ông H cho rằng số tiền mua xe nêu trên là bà H cho ông do ông giúp bà H trong việc làm ăn, mua bán trà, cà phê, nội dung khai nêu trên của ông H không được bà H thừa nhận mà bà H cho rằng bà mua xe và nhờ ông H đứng tên, mục đích bà đưa tiền cho ông H mua xe là để kinh doanh chờ khách, ông H nói để ông H đứng tên để thuận tiện cho việc kinh doanh nên bà cũng đồng ý. Xét thấy, ngoài lời khai, ông H không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh bà H có thỏa thuận tặng cho ông H số tiền mà bà H đưa cho ông H để mua xe, do đó không có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, theo lời khai ông H cũng thừa nhận sau khi mua xe, ông quản lý sử dụng (chạy dịch vụ và cho thuê) đến năm 2013 thì ông bán xe hiệu Innova biển số 60P-0916 nêu trên với giá 590.000.000 đồng, sau khi bán xe ông đã trả cho bà H nhiều lần với tổng số tiền là 230.000.000 đồng, bà H đã viết giấy nhận tiền đề ngày 07/8/2013, ông yêu cầu Tòa án căn cứ vào giấy nhận tiền ngày 07/8/2013 để giải quyết. Xét lời khai nêu trên của ông H là phù hợp với lời khai của bà H về số tiền ông H bán xe và số tiền mà ông H đã trả cho bà H là 230.000.000 đồng và phù hợp với nội dung giấy nhận tiền ngày 07/8/2013.

Như vậy, mặc dù lời khai của bà H và ông H không thống nhất về số tiền mà bà H đã đưa cho ông H để mua xe ô tô hiệu Innova biển số 60P-0916, tuy nhiên căn cứ vào lời khai của ông H nhiều lần thừa nhận đã nhận của bà H số tiền 507.000.000 đồng như nêu trên, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Thu H đã đưa cho ông Trần Văn H số tiền 507.000.000 đồng để mua xe ô tô hiệu Innova biển số 60P-0916 và đồng ý để cho ông H thay bà H đứng tên chủ sở hữu của chiếc xe nêu trên với mục đích kinh doanh thu lợi nhuận. Ông H quản

lý sử dụng (chạy dịch vụ và cho thuê) đến năm 2013 thì bán xe hiệu Innova biển số 60P-0916 (đã đổi biển số 60A-03431) nêu trên với giá 590.000.000 đồng, sau khi bán xe ông H đã trả tiền cho bà H nhiều lần với tổng số tiền là 230.000.000 đồng, bà H đã viết giấy nhận tiền đề ngày 07/8/2013, theo đó ghi nhận nội dung bà H đồng ý chỉ yêu cầu ông H trả lại cho bà H số tiền tổng cộng là 300.000.000 đồng, số tiền ông H đã trả cho bà H là 230.000.000 đồng, số tiền còn lại 70.000.000 đồng ông H hứa sẽ trả cho bà H vào năm 2019. Từ phân tích trên, xét yêu cầu của bà H về việc buộc ông H trả cho bà số tiền 70.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với nội dung bản trình bày ý kiến ngày 30/11/2021 ông H khai nại cho rằng ông đã cho vợ, chồng bà H vay tiền nhiều lần, tuy nhiên bà H không thừa nhận có vay của ông H các khoản vay nêu trên, theo chứng cứ do bà Nguyễn Thị Thu H cung cấp thể hiện bà H kết Hôn với ông Nguyễn Trường Giang vào ngày 12/9/2018, ông Giang đã có bản trình bày ý kiến xác định tài sản mà bà H làm ăn với ông H là tài sản riêng của bà H có trước thời kỳ hôn nhân. Ngoài lời khai, ông H không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh việc ông cho bà H vay tiền. Sau khi nộp bản trình bày ý kiến ngày 30/11/2021, ông H vắng mặt tại các phiên tòa và cũng không có yêu cầu gì đối với các khoản vay nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Trần Văn H phải chịu 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long THnh phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 166, 274, 275, 280, 357, 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H đối với bị đơn ông Trần Văn H.

Buộc ông Trần Văn H trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án cho đến khi thi Hnh án xong, người phải thi Hnh án còn phải chịu tiền lãi của số

tiền còn phải thi Hình án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Ông Trần Văn H phải chịu 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004955 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi Hình án dân sự huyện Long THnh.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông Trần Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS (2)
- THA DS (1)
- Lưu (6)
- Đương sự (2)

Nguyễn Hữu Ngọc